

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 28/9/2018

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Lê Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

ĐKHKTT: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988 (vắng mặt)

ĐKHKTT: thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: số nhà 266, đường S, khu phố Nh, phường D thị xã D, tỉnh Bình Dương

Nơi làm việc hiện nay: Bộ phận ủi II, xưởng I, Công ty A.

Địa chỉ công ty: Số 7A, đường Nh, Khu công nghiệp B, phường D, thị xã D, Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 09 ngày 05 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức đám cưới vào ngày

22/12/2013. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với gia đình nhà chồng được hơn 1 tháng rồi vào miền Nam làm ăn, không liên quan đến kinh tế với gia đình chồng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: anh K chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 4/2017. Sau đó không còn tình cảm nên ly thân. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh K.

Về con: chị và anh Nguyễn Văn K có 01 con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/8/2014 đang ở với chị. Nguyên vọng của chị khi ly hôn xin nuôi con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ, kể từ tháng 8/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Quyết định ủy thác của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, ngày 21 tháng 8 năm 2018, Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương lấy lời khai của anh Nguyễn Văn K, nội dung anh khai như sau: anh và chị Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/02/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh sau đó hai vợ chồng chuyển vào thị xã D làm công nhân. Thời gian 2 năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh và chị T ly thân từ tháng 4/2017. Đến tháng 6/2018 thì chị T đưa con về quê sinh sống cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Anh xác định không còn tình cảm với chị T. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Minh H đang ở với chị T như chị T trình bày. Khi vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con 2,000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Tòa án nhân dân thị xã D còn thu thập đơn của anh K đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Chị T và anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh K theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật

Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con: giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh K cấp dưỡng nuôi con 2,000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản, công nợ chung: chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh K theo khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn K dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau. Mặt khác, chị T trình bày anh K không quan tâm đến vợ con mà chơi lô đề, cờ bạc. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị T xin ly hôn, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh K là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: xác định chị T và anh K có 01 con chung, đang ở với chị T. Anh chị có chung quan điểm về giao nuôi con và vấn đề cấp dưỡng. Xét thấy ý kiến của chị T và anh K là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: chị T và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh K cấp dưỡng nuôi con, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 06/8/2014. Anh K cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 8/2018 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006731 ngày 13/8/2018, chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí. Anh K phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt chị T, anh K. Chị T, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã V1;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ